TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 151/2023/QĐST-HNGĐ	*Tp. Bạc Liêu, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 448/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Phương T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số A, khóm B, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu; địa chỉ hiện nay: Số C, ấp Đ, xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn U, sinh năm 1989; địa chỉ: Số E, ấp F, xã Vĩnh Trạch, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Phương T và Anh Lê Văn U.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Phương T và Anh Lê Văn U thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Trần Phương A, sinh ngày 02/10/2015 và cháu Lê Trần Tuấn A2, sinh ngày 19/7/2012 cho chị Trần Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Cháu Phương A và cháu Tuấn A2 đang sống chung với chị T được giữ nguyên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị T không yêu cầu anh U thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung do Chị T không yêu cầu. anh U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T và anh U thống nhất trước khi mở phiên hòa giải chị T trả cho anh U 5.000.000 đồng và yêu cầu tòa án ghi nhận trong quyết định hòa giải. Buộc chị Trần Phương T trả cho anh Lê Văn U 5.000.000 đồng.

- Về nợ chung: Anh U và Chị T thống nhất xác định không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

- Về án phí: Do các đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung giải quyết vụ án nên án phí mỗi bên phải chịu là 25%. Cụ thể Chị Trần Phương T và Anh Lê Văn U mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Nhưng Chị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008028 ngày 31 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được đối trừ, Chị T được hoàn lại 150.000 đồng.

Anh U không phải nộp án phí, anh U đã dự nộp 472.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008273 ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp.BL;
- THA Tp.BL;
- Các đương sự ;
- UBND xã (phường) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Tuyết Anh